

Khai thác tài nguyên thực vật rừng và những vấn đề đặt ra đối với phát triển bền vững ở tỉnh Lào Cai

Ths. Nguyễn Ngọc Huy

Tóm tắt: Tài nguyên thực vật rừng có vai trò quan trọng đối với cuộc sống. Khai thác nguồn tài nguyên ảnh hưởng đến kinh tế, xã hội và môi trường. Bài viết phân tích thực trạng khai thác và các ảnh hưởng đến phát triển bền vững ở tỉnh Lào Cai.

Từ khóa: Tài nguyên thực vật rừng; Phát triển bền vững; Lào Cai.

Abstract: Forest phytodiversity plays important roles in our life. Exploiting this natural resource affects the economy, society and the environment. The paper analyzes the exploitation situation and the impacts on sustainable development in Lao Cai province.

Keywords: Forest phytodiversity; Sustainable development; Lao Cai.

1. Đặt vấn đề

Rừng là một trong những nguồn tài nguyên quan trọng phục vụ cho cuộc sống của con người. Tài nguyên thực vật rừng có vai trò trên các phương diện kinh tế, xã hội, môi trường. Nguồn tài nguyên này quan trọng về kinh tế đối với không ít người dân ở nông thôn, thậm chí là cả thành thị. Tài nguyên thực vật rừng có thể giúp hộ gia đình, cá nhân khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ để cung cấp thu nhập bằng tiền mặt nhằm đa dạng hóa thu nhập và chi trả cho các nhu cầu cơ bản như thực phẩm, chăm sóc y tế và học phí (Hussain và cộng sự 2019, Zulu và cộng sự 2013). Nhiều hộ gia đình, một phần thu nhập kiếm được từ khai thác tài nguyên thực vật rừng được đầu tư vào các hoạt động kinh tế khác, như nông nghiệp (Schure và cộng sự 2014).

Tài nguyên thực vật rừng đóng vai trò quan trọng trong giảm nghèo. Một số lượng đáng kể người dân nghèo đói sống phụ thuộc vào rừng có thể tạo thu nhập thông qua việc làm, bán các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ (FAO 2006). Các nghiên cứu Heltberg (2001), Dasgupta và Maler (1995) lập luận rằng so với những người không nghèo, người nghèo có thể phụ thuộc nhiều hơn vào tài nguyên rừng, nhưng về mặt tuyệt đối thì sự phụ thuộc của họ thấp hơn so với những người giàu có. Tài nguyên thực vật rừng, thông qua khai thác và chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ, cung cấp cơ hội việc làm cho một mạng

lưới các bên liên quan rộng lớn và đa dạng dọc theo chuỗi giá trị, ở cả khu vực nông thôn và thành thị (Zulu và cộng sự 2013, Ghilardi và cộng sự 2013).

Các nghiên cứu về khai thác tài nguyên thực vật rừng chủ yếu tiếp cận từ các góc nhìn về kỹ thuật khai thác nhằm đảm bảo khả năng duy trì, phục hồi của tài nguyên thực vật rừng. Trong khi đó, các nghiên cứu về chủ đề này từ góc độ kinh tế học thường tập trung vào việc giải thích “lời nguyên tài nguyên”.

Mục tiêu của các quốc gia, vùng, địa phương là tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập, giải quyết việc làm và giảm nghèo, bảo vệ tài nguyên - môi trường. Tài nguyên thực vật rừng, từ góc nhìn kinh tế, là loại vốn cho quá trình tăng trưởng kinh tế. Như vậy, vấn đề đặt ra là khai thác như thế nào để bảo vệ tài nguyên thực vật rừng và vừa phục vụ các mục tiêu của phát triển bền vững.

Lào Cai là tỉnh có điều kiện tự nhiên phù hợp cùng tài nguyên sinh học thuận lợi cho phát triển lâm nghiệp, các tài nguyên thực vật rừng. Tỉnh Lào Cai có tài nguyên thực vật rừng phong phú, đa dạng. Các loại thực vật rừng trên địa bàn tỉnh có vị trí, vai trò và tầm quan trọng của nhiệm vụ phát triển lâm nghiệp cũng như phát triển kinh tế - xã hội.

Những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Lào Cai đã cố gắng phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên và tiềm năng đất đai; khắc phục những hạn chế, khó khăn để phát triển ngành lâm nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động khai thác tài nguyên thực vật rừng đã và đang đặt ra các nguy cơ đối với phát triển bền vững trên cả 3 khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường ở các cấp độ khác nhau.

Xuất phát từ những vấn đề như vừa nêu, bài viết tập trung phân tích, đánh giá thực trạng khai thác tài nguyên thực vật rừng tại tỉnh Lào Cai nhằm cung cấp bức tranh chân thực, toàn diện hơn để có các giải pháp phù hợp.

2. Thực trạng khai thác tài nguyên thực vật rừng ở tỉnh Lào Cai ¹

- Các chính sách của Trung ương và tỉnh Lào Cai liên quan đến việc khai thác tài nguyên thực vật rừng

Kể từ công cuộc đổi mới đến nay, Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách liên quan đến tài nguyên rừng nhằm hướng tới đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó đáng chú ý là các nội dung sau:

+ Chuyển đổi từ phát triển lâm nghiệp dựa vào quốc doanh sang ngoài quốc doanh. Chủ trương này đã được thể chế hóa bằng việc giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Bước tiếp theo là việc sắp xếp đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh và giao đất, giao rừng cho các tổ chức, cá nhân sử dụng.

¹ Các số liệu trong phần này được tổng hợp từ Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai năm 2010 - 2018.

+ Chuyển từ chỗ chủ yếu khai thác sang bảo vệ và phát triển rừng. Với chính sách từ chỗ chủ yếu khai thác tài nguyên rừng sang trồng, chăm sóc, tu bổ phát triển vốn rừng; trong giai đoạn vừa qua, nhà nước đã cho nhiều chủ trương về bảo vệ và phát triển rừng như Chương trình 327; Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng theo Nghị quyết số 08/1997/QH10 và Nghị quyết số 73/2006/QH11 của Quốc hội. Mặc dù Nhà nước có nhiều chủ trương và biện pháp để bảo vệ rừng nhưng vấn đề đặt ra là việc khai thác rừng trái phép, kiểm soát và truy xuất nguồn gốc các loại lâm sản.

+ Đẩy mạnh phát triển kinh tế rừng và tham gia chuỗi giá trị. Chiến lược Phát triển lâm nghiệp Việt Nam 2006 – 2020 đưa ra các chương trình trọng tâm: Bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển dịch vụ môi trường; ưu tiên theo hướng phân quyền, tạo cơ chế khuyến khích khối tư nhân tham gia đầu tư vào phát triển vốn rừng và bảo vệ rừng, tăng cường quản trị rừng, và nâng cao hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ rừng của các lâm trường quốc doanh; nâng cao hiệu quả kinh tế và tham gia chuỗi giá trị đối với các lâm sản. Năm 2012, Bộ NN và PTNT phê duyệt quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, trong đó đã xác định nhu cầu gỗ nguyên liệu toàn quốc cho công nghiệp chế biến và xác định quy mô công suất chế biến theo 8 vùng.

+ Thực hiện tái cơ cấu ngành lâm nghiệp. Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp giai đoạn 2014 – 2020 tập trung vào các trọng tâm chính: nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất; nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến; phát triển kinh tế hợp tác và liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm trong lâm nghiệp; phát triển thị trường gỗ và sản phẩm gỗ.

+ Quy hoạch phát triển nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Cùng với việc thực hiện các chủ trương, chính sách chung của Trung ương về phát triển lâm nghiệp, trong thời gian qua, Lào Cai đã tiến hành lập quy hoạch phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh: quy hoạch cánh đồng lớn; quy hoạch phát triển cây dược liệu; quy hoạch tổng thể vùng và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy hoạch chế biến nông lâm sản, đề án phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất lâm nghiệp. Tuy nhiên, đến nay Lào Cai chưa có quy hoạch về phát triển cây lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn tỉnh.

Qua rà soát, phân tích, đánh giá các chính sách của Trung ương và tỉnh Lào Cai liên quan đến việc khai thác tài nguyên thực vật rừng có thể rút ra một số nhận xét sau:

+ Hệ thống chính sách tuy đã khá đủ nhưng còn không ít bất cập, mâu thuẫn, chưa phù hợp với thực tiễn, chưa tạo động lực để người dân tích cực và chủ động tham gia bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

+ Thiếu các định hướng về phát triển cây lâm sản ngoài gỗ và chính sách hỗ trợ chế biến và tiêu thụ lâm sản ngoài gỗ.

+ Chưa quan tâm thoả đáng đến công nghệ khai thác và chế biến, đặc biệt là chế biến theo chiều sâu để nâng cao giá trị sản phẩm, tiết kiệm nguyên liệu.

- Biến động về đất rừng và diện tích rừng ở tỉnh Lào Cai

Tính đến năm 2018, trên địa bàn tỉnh Lào Cai khoảng 82,7% diện tích đất được khai thác cho các mục đích phát triển kinh tế, trong đó đất nông nghiệp chiếm 77,36% tổng diện tích đất tự nhiên, đất phi nông nghiệp chiếm 5,34% và đất chưa sử dụng chiếm 17,3%. Kể từ năm 2010 đến nay, đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp tăng lên cả về tuyệt đối (quy mô) lẫn tương đối (tỷ trọng). Sự gia tăng về diện tích đất nông nghiệp và phi nông nghiệp đồng nghĩa với diện tích đất chưa sử dụng giảm, từ 187,34 nghìn ha (năm 2010) xuống còn 110,1 nghìn ha (năm 2018), giảm 77,3 nghìn ha trong vòng 8 năm, tức là giảm gần 1 nghìn ha/năm. Những con số này cho thấy ở Lào Cai quỹ đất đai chưa sử dụng không còn nhiều và có xu hướng giảm xuống.

Trong cơ cấu sử dụng đất ở Lào Cai, tính đến năm 2018, diện tích đất lâm nghiệp có rừng chiếm 55,99% tổng diện tích đất tự nhiên và chiếm 72,38% diện tích đất nông nghiệp. Trong số 356,33 nghìn ha đất lâm nghiệp có rừng (năm 2018), rừng sản xuất chiếm 41,51%; rừng phòng hộ là 42,66% và rừng đặc dụng chiếm 15,82%. Trong giai đoạn 2010 - 2018, diện tích đất có rừng có xu hướng tăng lên, từ 328,48 nghìn ha (năm 2010) tăng lên 356,330 nghìn ha (năm 2018). Trong giai đoạn này, cơ cấu rừng theo chức năng chuyển dịch theo hướng giảm diện tích rừng phòng hộ (từ 45,08% xuống 42,66%), tăng diện tích đặc dụng (từ 13,86% lên 15,82%), diện tích rừng sản xuất duy trì ở mức 45%.

Đến năm 2018, diện tích rừng ở tỉnh Lào Cai đạt 342.107 ha, tăng so với mức 327.755 ha của năm 2010. Mặc dù có sự gia tăng về diện tích rừng nhưng cũng giống như ở nhiều nơi khác, tại tỉnh Lào Cai, vẫn đang xảy ra tình trạng chặt phá rừng tự nhiên. Trong các năm từ 2005 - 2010, diện tích rừng bị thiệt hại là 189,5 ha/năm, trong đó diện tích rừng bị cháy là 181,7 ha/năm và diện tích rừng bị chặt phá là 7,9 ha/năm. Từ năm 2010 trở lại đây, dù có giảm xuống nhưng đến năm 2018 vẫn có tới 5,45ha rừng diện tích rừng bị thiệt hại.

Về chất lượng rừng, rừng tự nhiên có diện tích, trữ lượng lớn nhưng chủ yếu là rừng nghèo và rừng phục hồi (với các tỷ lệ tương ứng là 15,6% và 53,4%); tỷ lệ cây gỗ có đường kính lớn không nhiều, trữ lượng gỗ thuộc các nhóm gỗ tạp. Rừng trồng chủ yếu là trồng cây mọc nhanh, chu kỳ kinh doanh ngắn; gỗ rừng trồng chủ yếu là gỗ nhỏ dùng cho sản xuất dăm giấy, ván nhân tạo.

- Các chủ thể tham gia quản lý và khai thác đất rừng và rừng

Cùng với chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần và xã hội hóa công tác phát triển rừng, trong giai đoạn vừa qua, việc khai thác đất rừng và rừng có sự chuyển dịch theo hướng diện tích đất rừng của các tổ chức nhà nước giảm dần, trong khi đó của khu vực ngoài nhà nước tăng lên, đặc biệt là hộ gia đình, cá nhân. Tỉnh Lào Cai đã đẩy mạnh thực hiện chủ trương giao đất giao rừng cho hộ gia đình. Cho đến năm 2018, cơ cấu sử dụng đất rừng trên địa bàn tỉnh như sau: Ban quản lý (46,1%); các lâm trường quốc doanh, công ty lâm nghiệp (6,9%); doanh nghiệp ngoài quốc doanh (0,3%); hộ gia đình, cá nhân (17,3%); cộng đồng (0,4%); đơn vị vũ trang (0,2%); tổ chức khác (0,02%); UBND (28,2%). Các số liệu này cho thấy các tổ chức của nhà nước nắm phần lớn diện tích đất rừng.

Trong thời gian qua, tỉnh Lào Cai thực hiện đổi mới, sắp xếp lại các lâm trường quốc doanh, công ty lâm nghiệp và các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng để tham gia phát triển sản xuất. Tuy nhiên, cả nước nói chung và tỉnh Lào Cai không phải là ngoại lệ, nhìn chung, các lâm trường quốc doanh, công ty lâm nghiệp đã và đang bộc lộ một số hạn chế như hiệu quả sử dụng đất đai còn thấp, diện tích đất chưa sử dụng còn nhiều, quản lý đất đai, tài nguyên rừng còn yếu kém (Tô Xuân Phúc 2013). Không ít lâm trường quốc doanh được giao sử dụng diện tích rừng với quy mô lớn nhưng ít quan tâm và thiếu năng lực sản xuất kinh doanh lâm sản ngoài gỗ (LSNG).

Trên địa bàn tỉnh Lào Cai có khoảng 92.786 hộ sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp, chiếm 79,6% tổng số hộ². Hộ gia đình chiếm 22,4% diện tích đất rừng, tương đương 79.817,9 ha; tính bình quân chỉ đạt 0,9 ha/hộ. Diện tích đất lâm nghiệp của mỗi hộ gia đình quá thấp nên khó khăn để nâng cao hiệu quả kinh tế. Hơn nữa, đất rừng giao cho hộ gia đình chủ yếu là đất trồng đồi núi trọc, đất bạc màu.

Rừng cộng đồng chiếm tới 0,4% tổng diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh Lào Cai, trong đó rừng tự nhiên chiếm tới 91,6%, rừng trồng chỉ chiếm có 8,4%; cộng đồng quản lý chủ yếu rừng phòng hộ, đặc dụng chiếm 71%, còn rừng sản xuất chỉ 29%. Các loại rừng cộng đồng được hình thành từ các nguồn: rừng và đất rừng được Nhà nước giao cho cộng đồng quản lý, sử dụng ổn định lâu dài; rừng và đất rừng do cộng đồng tự công nhận và quản lý từ lâu đời nhưng chưa được Nhà nước giao; rừng và đất rừng của các tổ chức nhà nước và giao cho cộng đồng nhận khoán bảo vệ, khoanh nuôi và trồng mới theo hợp đồng khoán rừng. Rừng cộng đồng do 3 nhóm chủ thể quản lý: cộng đồng dân cư thôn bản, dòng họ; nhóm hộ; nhóm sở thích tự cùng nhau liên kết.

- Thực trạng khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ

² Kết quả Tổng điều tra nông, lâm, thủy sản năm 2016 (Tổng cục Thống kê).

Các sản phẩm khai thác từ tài nguyên thực vật rừng ở Lào Cai khá đa dạng như gỗ và các lâm sản ngoài gỗ (các loại cây lấy sợi: luồng, tre, trúc, mây,...; các loại cây dược liệu; cây lâm sản ngoài gỗ để lấy nhựa, tinh dầu: nhựa thông, nhựa trám quế,...; cây lâm sản ngoài gỗ làm lương thực, thực phẩm: măng tươi, mộc nhĩ; các loại lâm sản ngoài gỗ cho các mục đích khác: lá dong, lá non,...). Sản lượng khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn tỉnh Lào Cai trong giai đoạn 2010 - 2018 nhìn chung là tương đối lớn.

Sản lượng gỗ khai thác giai đoạn 2010 - 2018 đạt bình quân 134.392m³ và tuy nhiên sản lượng khai thác có xu hướng giảm xuống. Với chính sách đóng cửa rừng tự nhiên, sản lượng khai thác chủ yếu là khai thác gỗ rừng trồng. Gỗ khai thác 31,4% là gỗ nguyên liệu giấy. Các loại lâm sản ngoài gỗ hầu hết đều có sản lượng tăng lên, tuy nhiên tốc độ tăng chậm và chủ yếu tập trung vào một số mặt hàng như: tre, nứa, măng tươi, đặc biệt là quế tăng bình quân 23,28%/năm và mộc nhĩ là 21,81% năm.

Các chủ thể tham gia khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ là khá đa dạng. Tuy nhiên, sản lượng khai thác chủ yếu là khu vực ngoài nhà nước. Đối với gỗ, trong giai đoạn khu vực ngoài quốc doanh chiếm tới 84,9% tổng sản lượng gỗ khai thác; trong khu vực nhà nước chỉ là 3,4%. Đối với các loại lâm sản ngoài gỗ, tham gia gia khai thác phần lớn là hộ gia đình, cá nhân.

LSNG có vai trò quan trọng đối với người dân miền núi, là nguồn cung cấp thức ăn cho người và gia súc, làm thuốc chữa bệnh và nguyên liệu cho các hoạt động sinh sống thiết yếu. Tuy nhiên, ở tỉnh Lào Cai, khai thác các loại LSNG chủ yếu từ tự nhiên. Việc khai thác nguồn tài nguyên này diễn ra tràn lan, tự phát và bất kỳ người nào cũng có thể tham gia khai thác do không thể kiểm soát được việc người dân vào rừng thu hái lâm sản.

Đáng chú ý là cách thức khai thác các loại LSNG. Hình thức khai thác LSNG của người dân thường mang tính chất tận thu, thậm chí hủy diệt. Thu hái cành, lá, hoa quả, măng tươi, mộc nhĩ,... khai thác quá mức và/hoặc quá sớm so với chu kỳ sinh trưởng ảnh hưởng tới khả năng tái sinh, phục hồi tự nhiên của các cây lâm sản. Cách thu hái sản vật là hoa, quả bằng cách đốn hạ cả cây để thu; những loài cây cảnh, cây lấy củ bị đào cả gốc rễ khi khai thác. Thực trạng này có nguy cơ dẫn đến các loại LSNG cạn kiệt, suy giảm tính đa dạng học của rừng và ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân sống dựa vào rừng trong tương lai.

3. Kết quả của khai thác tài nguyên thực vật rừng từ góc nhìn phát triển bền vững đối với tỉnh Lào Cai ³

- Đóng góp vào kinh tế của tỉnh Lào Cai

³ Các số liệu trong phần này được trích từ Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai năm 2018.

Trong giai đoạn 2010 - 2018, ở tỉnh Lào Cai, trong khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất. Năm 2000, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp chiếm 77,14% tổng giá trị sản xuất của nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; tỷ trọng này đã tăng lên 81,04% vào năm 2005 và trong giai đoạn 2010 - 2018 luôn chiếm trên 80%.

Đối với ngành lâm nghiệp, Lào Cai là tỉnh có tiềm năng lớn song giá trị sản xuất chiếm tỷ trọng khiêm tốn trong cơ cấu của ngành nông, lâm thủy sản và còn có xu hướng giảm: năm 2000 tỷ trọng giá trị sản xuất lâm nghiệp chiếm 21,71%, năm 2005 giảm xuống 17,5% và năm 2010 chiếm gần 14%; đến năm 2018 chỉ còn 11,6%.

Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp đóng góp rất nhỏ vào giá trị sản xuất toàn ngành kinh tế của tỉnh, chỉ đóng góp trên 1%, và trong giai đoạn 2010 - 2018 có xu hướng giảm tỷ trọng từ 1,46% xuống còn 1,26%.

Trong nội ngành lâm nghiệp, khai thác gỗ và lâm sản vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với 74,8% (trong đó khai thác gỗ chiếm trên 80%) trong giai đoạn 2010 - 2018. Đáng chú ý là tỷ trọng của giá trị sản xuất thu được từ hoạt động khai thác gỗ và lâm sản khác đang có sự chuyển dịch theo hướng giảm từ mức 79,8% (năm 2010) xuống 66,8% (năm 2018) (Bảng 1). Theo đó, đi cùng với việc khai thác, để đảm bảo khai thác bền vững và duy trì nguồn thu nhập ổn định, việc trồng, chăm sóc bảo vệ rừng để xây dựng các vùng nguyên liệu nhằm khai thác, sử dụng bền vững thúc đẩy phát triển hệ thống cơ sở chế biến lâm sản trong giai đoạn tới là rất cần thiết.

Bảng 1: Cơ cấu sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai (%)

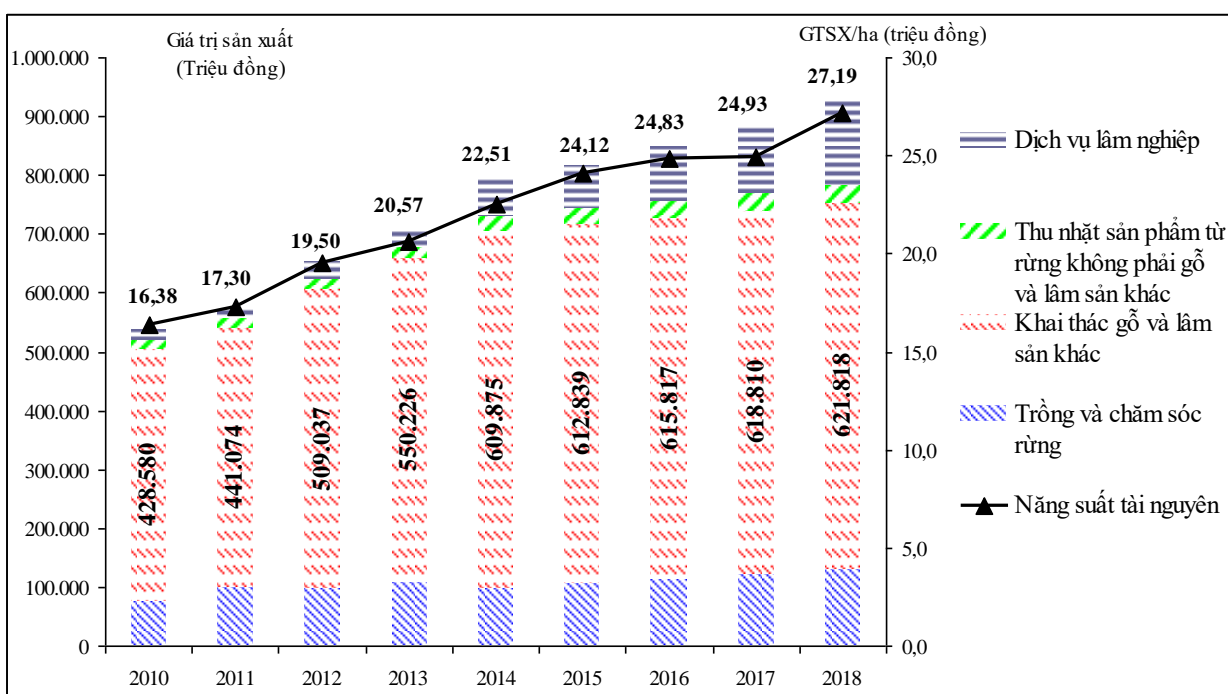
	2010	2011	2012	2013	2014	2016	2017	2018
Tổng	100	100	100	100	100	100	100	100
Trồng và chăm sóc rừng	14,0	17,4	15,0	15,5	12,2	13,3	13,7	14,1
Khai thác gỗ và lâm sản khác	79,8	76,4	78,0	77,7	77,1	72,5	69,8	66,8
Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	3,1	2,8	2,6	2,5	3,2	3,3	3,4	3,4
Dịch vụ lâm nghiệp	3,1	3,4	4,4	4,4	7,5	10,9	13,1	15,6

Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai.

- Năng suất tài nguyên (giá trị sản xuất thu được trên 1ha diện tích rừng)

Trong giai đoạn 2010 - 2018, giá trị sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai đạt khoảng 750,08 tỷ đồng/năm (trong đó khai thác gỗ và lâm sản khác đạt 556,453 tỷ đồng) và tốc độ tăng trưởng đạt bình quân 2,39%/năm. Giá trị sản xuất thu được trên 1ha diện tích rừng năm 2015 đạt 24,12 triệu, so với mức 16,38 triệu đồng năm 2010. Năm 2018, tỉnh Lào Cai có 342.107ha rừng, giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đạt 27,19 triệu đồng/ha (Hình 1).

Mặc dù năng suất tài nguyên của lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai có xu hướng tăng nhưng vẫn còn thấp so với khu vực nông nghiệp. Năm 2018, giá trị sản xuất lâm nghiệp chỉ đạt 22 triệu đồng/ha; trong khi nông nghiệp là 51,15 triệu đồng (cao gấp 2,3 lần).



Hình 1: Giá trị sản xuất và giá trị sản xuất lâm nghiệp trên đơn vị canh tác

Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai.

- Tỷ lệ che phủ rừng

Với việc đẩy mạnh trồng rừng, tỷ lệ che phủ rừng tăng từ 51,3% (năm 2010) lên 54,81% (năm 2018). Mặc dù diện tích đất có rừng, diện tích rừng ở Lào Cai và tỷ lệ che phủ rừng đều tăng lên nhưng tỷ lệ diện tích rừng/điện tích đất có rừng có xu hướng giảm từ mức 99,78% (năm 2010) xuống còn 96,01% (năm 2018) (Bảng 2). Điều này phản ánh mật độ rừng trên địa bàn tỉnh đang có xu hướng giảm xuống trong giai đoạn 2010 - 2018.

Bảng 2: Tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai (%)

	2010	2014	2016	2018
Tổng số	51,3	55,0	53,8	54,81
Thành phố Lào Cai	45,3	43,4	52,5	
Thị xã Sa Pa	66,3	64,8	66,3	
Huyện Bát Xát	49,0	56,5	55,5	
Huyện Mường Khương	41,3	46,8	41,7	
Huyện Si Ma Cai	29,2	38,3	35,4	
Huyện Bắc Hà	31,2	35,9	33,0	
Huyện Bảo Thắng	48,5	51,0	54,2	
Huyện Bảo Yên	53,5	60,9	56,1	
Huyện Văn Bàn	64,2	64,9	62,9	

Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai.

Về tỷ lệ che phủ rừng xét theo huyện, tỷ lệ che phủ không đồng đều. Bắc Hà và Si Ma Cai là 2 huyện có tỷ lệ che phủ đạt thấp nhất với các con số tương ứng là 33,0% và 35,4%. Trong khi tỷ lệ che phủ rừng của toàn tỉnh có xu hướng tăng, một số huyện có xu hướng giảm xuống như huyện Văn Bàn giảm từ 64,2% (năm 2010) xuống 62,9% (năm 2016); huyện Bảo Yên từ mức 60,9% (năm 2014) còn 56,1% (năm 2016),... (Bảng 2). Các huyện có tỷ lệ che phủ rừng giảm chủ yếu là diện tích trồng mới bổ sung thấp hơn so với diện tích khai thác.

Trên địa bàn tỉnh Lào Cai, các huyện có tỷ lệ che phủ rừng thấp và có xu hướng giảm xuống là thường là vùng cao, địa hình chia cắt và là các huyện đầu nguồn. Với tỷ lệ che phủ rừng ở các huyện như vừa nêu đặt ra các nguy cơ về khả năng giữ nước vào mùa khô và chống lũ vào mùa mưa.

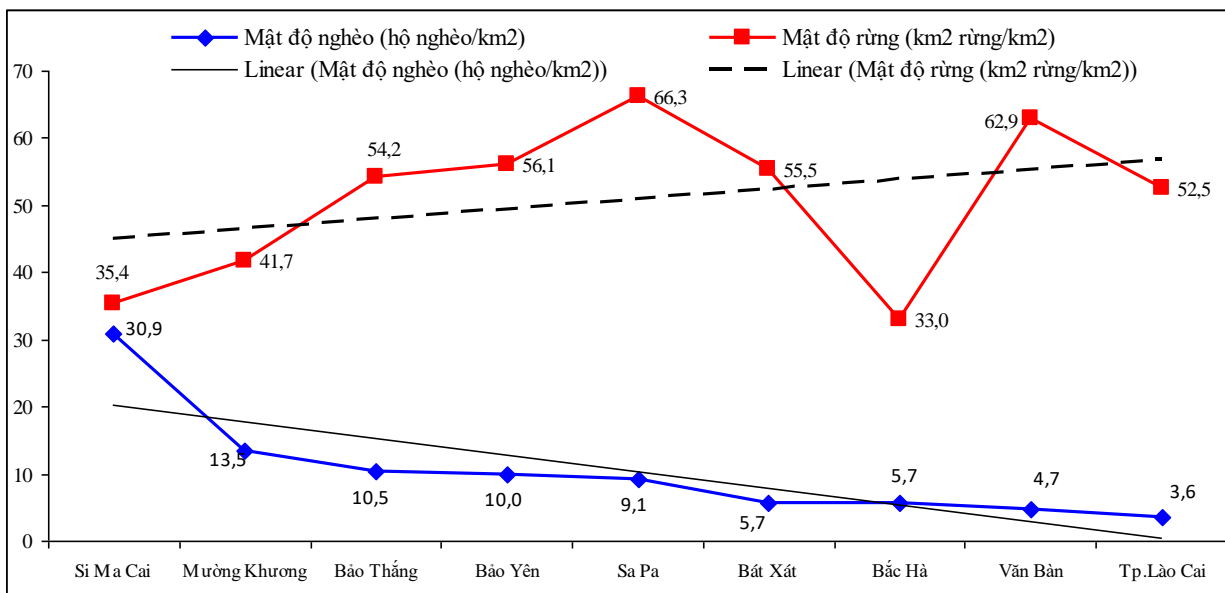
- Đóng góp vào cải thiện thu nhập và giảm nghèo

Lào Cai là một trong những tỉnh nghèo nhất của cả nước. Năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn Lào Cai là 34,3% (là tỉnh có hộ nghèo cao đứng thứ 6 so với cả nước), đến năm 2018 còn lại 16,25%; tương ứng với tỷ lệ giảm là 18,05%. Mặc dù tỉnh Lào Cai đã đạt được những thành tích lớn về giảm nghèo nhưng tỷ lệ nghèo ở một số huyện vẫn còn cao như Bắc Hà (35,78%); Mường Khương (34,67%)⁴.

So sánh giữa mật độ nghèo (số hộ nghèo/km²) và mật độ rừng (diện tích rừng/diện tích tự nhiên, tức tỷ lệ che phủ) cho thấy ở tỉnh Lào Cai các huyện có mật độ rừng thấp hơn có xu hướng là mật độ nghèo cao hơn (Hình 2). Điều này có nghĩa là ở những huyện có

⁴ Báo cáo số 224/BC-SLĐTBXH ngày 01/08/2018 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai.

diện tích rừng lớn hơn, mật độ rừng cao hơn (có thể do khai thác thấp hơn) có mật độ nghèo thấp hơn.



Hình 2: Mật độ nghèo và mật độ rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai.

Nhìn chung, đóng góp của khai thác tài nguyên thực vật rừng đối với giảm nghèo còn hạn chế. Thu nhập của người làm nghề rừng còn thấp (mới đạt bình quân 12 triệu đồng/ha/năm) và chưa ổn định. Đa số người dân ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn chưa thực sự có thu nhập từ rừng và chưa thể sống bằng nghề rừng; đời sống của cán bộ, công nhân làm nghề lâm nghiệp còn rất nhiều khó khăn.

Toàn ngành lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai hiện nay mới thu hút khoảng 20.000 lao động. Con số này cho thấy nếu tính riêng cho khai thác tài nguyên thực vật rừng thì hoạt động này cũng chưa tạo ra nhiều việc làm và do vậy đóng góp vào giảm nghèo còn hạn chế.

4. Đánh giá chung

- Các kết quả đạt được

Đất rừng, diện tích rừng và tỷ lệ che phủ rừng ở tỉnh Lào Cai có xu hướng gia tăng về quy mô và tỷ trọng; chuyển dịch cơ cấu các loại rừng theo chiều hướng tích cực, tăng tỷ trọng diện tích đất lâm nghiệp có rừng và tỷ trọng rừng sản xuất. Mặc dù diện tích rừng có tăng, nhưng năng suất, chất lượng rừng còn thấp, chủ yếu là sản phẩm gỗ nhỏ.

Với các chính sách xã hội hóa công tác phát triển rừng, trong giai đoạn vừa qua, trên địa bàn tỉnh Lào Cai, diện tích đất rừng của khu vực nhà nước giảm dần, trong khi đó của

khu vực ngoài nhà nước tăng lên, đặc biệt là hộ gia đình, cá nhân. Sự gia tăng này phản ánh sự tham gia của người dân vào công tác bảo vệ và phát triển rừng ngày càng được nâng cao.

Sản lượng gỗ khai thác có xu hướng giảm xuống và chủ yếu là khai thác gỗ rừng trồng. Sản lượng khai thác đối với không ít loại LSNG có xu hướng gia tăng và vẫn tồn tại việc khai thác chưa gắn với bảo vệ và phát triển cho khai thác bền vững. Việc khai thác tài nguyên thực vật rừng nhưng chế biến và thương mại hóa sản phẩm vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém.

- Các tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, diện tích rừng tuy có tăng, nhưng năng suất, chất lượng rừng còn thấp, chủ yếu là sản phẩm gỗ nhỏ. Trên địa bàn tỉnh vẫn tồn tại nhiều nguy cơ thiếu bền vững do khai thác trộm rừng tự nhiên, cháy rừng, lấn chiếm rừng để phát triển kinh tế vẫn còn xảy ra và ngày càng phức tạp, khó kiểm soát.

Cơ cấu cây trồng rừng còn đơn điệu, năng suất rừng trồng không cao, hiệu quả sản xuất kinh doanh rừng còn thấp. Tổ chức sản xuất chưa chặt chẽ, thiếu sự gắn kết giữa khâu trồng rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lâm sản.

Chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ chưa phát triển tương xứng với tiềm năng; các cơ sở chế biến nhỏ và vừa chủ yếu, thiết bị và công nghệ rất lạc hậu; sản phẩm vẫn là nguyên liệu thô; nguồn nguyên liệu chưa ổn định do thiếu gắn kết với vùng nguyên liệu. Sức cạnh tranh của các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ còn nhiều hạn chế về chất lượng, sản lượng.

Thứ hai, đóng góp của ngành lâm nghiệp vào kinh tế của tỉnh Lào Cai còn thấp và có xu hướng giảm xuống. Khai thác gỗ và lâm sản vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với trong ngành lâm nghiệp.

Tăng trưởng của ngành lâm nghiệp có tăng nhưng chưa thực sự bền vững.

Năng suất tài nguyên, giá trị gia tăng của sản phẩm còn thấp và ở rất nhiều nơi khi khai thác giá trị sản phẩm bán ra thị trường chưa đủ các chi phí cho khâu khai thác, vận xuất, vận chuyển.

Thứ ba, đóng góp của khai thác tài nguyên thực vật rừng đối với giảm nghèo còn hạn chế. Thu nhập của những người trực tiếp sống dựa vào tài nguyên rừng còn thấp, thậm chí là chưa thể sống bằng nghề rừng

Phân chia lợi ích kinh tế từ việc khai thác rừng chưa công bằng, có nguy cơ thiếu bền vững.

- Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

Những hạn chế, yếu kém nêu trên xuất phát từ các nguyên nhân cơ bản sau:

– Nguyên nhân liên quan đến cơ chế, chính sách: Hệ thống chính sách tuy đã khá đủ nhưng còn nhiều bất cập, mâu thuẫn, chưa phù hợp với thực tiễn rất đa dạng ở các vùng miền, chưa thật sự tạo động lực để toàn dân tích cực và chủ động tham gia quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

– Nguyên nhân liên quan năng lực của các chủ thể có liên quan: các cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp; người nông dân; doanh nghiệp.

– Khoa học công nghệ chưa tạo được sức bật, làm chuyên biến căn bản hiệu quả kinh tế của nghề rừng; phát triển nguồn giống cây lâm nghiệp còn chậm, năng suất rừng thấp; hệ thống khuyến lâm còn thiếu và yếu...

– Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh lâm nghiệp chưa theo chuỗi sản phẩm và chuỗi giá trị lâm sản, quá trình tái cơ cấu ngành lâm nghiệp còn chậm nên chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế, sự liên kết kinh tế của các chủ thể tham gia bảo vệ và phát triển lâm nghiệp còn yếu.

– Cơ sở hạ tầng, nhất là ở khu vực nông thôn còn yếu và thiếu đồng bộ. Hệ thống giao thông chưa đồng bộ dẫn đến chi phí vận chuyển và dịch vụ cao và thu nhập từ sản xuất lâm nghiệp thấp.

5. Một số gợi ý chính sách

Xuất phát từ các nguyên nhân của các hạn chế, yếu kém, các giải pháp cần tập trung giải quyết các vấn đề theo hướng: i) Bổ sung, hoàn thiện các chính sách về đất đai (liên quan đến giao đất, giao rừng), chi trả dịch vụ môi trường rừng; ii) Nâng cao năng lực cho các chủ thể có liên quan đến khai thác tài nguyên thực vật rừng, trong đó tập trung ưu tiên đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp thực hiện các hoạt động về bảo vệ và phát triển rừng; iii) Tăng cường công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ về trồng, khai thác và bảo vệ tài nguyên thực vật rừng với trọng tâm là ban hành và đẩy mạnh thực thi chính sách ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, khai thác tài nguyên thực vật rừng; iv) Đẩy mạnh các mô hình về nông lâm kết hợp trong trồng rừng kinh tế, phát triển cây lâm sản ngoài gỗ và đầu tư và phát triển các cơ sở chế biến lâm sản; v) Đầu tư cơ sở hạ tầng tạo điều kiện cho khai thác tài nguyên thực vật rừng phục vụ phát triển bền vững bao gồm hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng và hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Dasgupta, P., and Maler, K.G. (1995), “Poverty, Institutions and the Environmental Resource Base”, In: Berhman J., Srivassan T.N. (eds.): *Handbook of Development Economics*. Elsevier; Amsterdam.
2. FAO - Food and Agriculture Organisation of the United Nations (2006), *Better forestry, less poverty: A practitioner’s guide*. FAO Forestry Paper 149. Accessed at: <http://www.fao.org/DOCREP/009/a0645e/a0645e00.htm>.
3. Ghilardi, A., Mwampamba, T. and Dutt, G. (2013), “What role will charcoal play in the coming decades? Insights from up-to-date findings and reviews”, *Energy for Sustainable Development*, 17: 73-74.
4. Heltberg, R., (2001), “Determinants and impact of local institutions for common resource management”, *Environment and Development Economics*, 6: 183-208.
5. Hussain J. et al. (2019), “Dependence of rural livelihoods on forest resources in Naltar Valley, a dry temperate mountainous region, Pakistan”, *Global Ecology and Conservation*, 20 (2019) e00765.
6. Schure, J., Levang, P. and Wiersum, K.F. (2014), “Producing woodfuel for urban centers in the Democratic Republic of Congo: a path out of poverty for rural households?”, *World Development*, 64: S80-S90 (DOI <http://dx.doi.org/10.1016/j.worlddev.2014.03.013>).
7. To Xuan Phuc (2013), “Legal rights to resources veus forest access in the Vietnamese uplands” In *State, Society and the Market in Comtemporary Vietnam*, Ho Tai H.T, M. Sidel (eds.) London and New York: Routledge.
8. Zulu, L.C. and Richardson, R.B. (2013), “Charcoal, livelihoods and poverty reduction: evidence from sub-Saharan Africa”, *Energy for Sustainable Development*, 17(2): 127-137.